

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: **Nông nghiệp**; Chuyên ngành: **Quản lý tài nguyên và môi trường nông lâm nghiệp**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: VÕ HỮU CÔNG

2. Ngày tháng năm sinh: 04/10/1988 Nam ☒; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Cẩm Lạc, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số nhà 195, Khối phố 3, Phường Nguyễn Du, Thành Phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Bộ môn Công nghệ Môi trường, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội.

Điện thoại di động: 0981954624; E-mail: vhcong@vnua.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng, năm: 1/2004 đến 6/2004: Nghiên cứu viên, Bộ môn Lúa thuần, Viện khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Thanh Trì, Hà Nội.

- Từ tháng, năm: 6/2004 đến 12/2006: Nghiên cứu viên, Trung tâm Sinh thái Nông nghiệp, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

- Từ tháng, năm: 1/2007 đến 12/2008: Học viên Cao học, Học viện Công nghệ Châu Á (AIT), Băng Cốc, Thái Lan.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ tháng, năm: 1/2009 đến 9/2010: Nghiên cứu viên, Trung tâm Sinh thái Nông nghiệp, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Từ tháng, năm: 9/2010 đến 3/2015: Nghiên cứu sinh, Đại học Waseda, Tokyo, Nhật Bản.
- Từ tháng, năm: 4/2015 đến 5/2015: Nghiên cứu viên, Trung tâm Sinh thái Nông nghiệp, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Từ tháng, năm: 6/2015 đến 3/2019: Giảng viên Bộ môn Quản lý môi trường, khoa Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Từ tháng, năm: 4/2019 đến 4/2021: Giảng viên Bộ môn Công nghệ môi trường, khoa Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Từ tháng, năm: 5/2021 đến nay: Giảng viên Bộ môn Công nghệ môi trường, khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Chức vụ hiện nay: Phó Trưởng khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng khoa
- Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Tài nguyên và môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: Thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024.6261.7636

8. Đã nghỉ hưu: Chưa.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng **Đại học** ngày 10 tháng 10 năm 2003; số văn bằng: B495666; ngành: Nông học, chuyên ngành: Chọn giống cây trồng; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Nông nghiệp I, Việt Nam (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Việt Nam).
- Được cấp bằng **Thạc sĩ** ngày 19 tháng 12 năm 2008; số văn bằng: (*không áp dụng*); ngành: Quản lý tài nguyên thiên nhiên; chuyên ngành: Quản lý tài nguyên thiên nhiên; Nơi cấp bằng ThS: Học viện Công nghệ Châu Á (AIT), Thái Lan.
- Được cấp bằng **Tiến sĩ** ngày 24 tháng 07 năm 2014; số văn bằng: 6768; ngành: Kỹ thuật môi trường và dân dụng; chuyên ngành: Kỹ thuật môi trường; Nơi cấp bằng TS: Đại học Waseda, Nhật Bản.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Nông nghiệp – Lâm nghiệp.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1:

Nghiên cứu về sự phát sinh phế phụ phẩm, chất thải nông nghiệp và công nghệ xử lý chất thải.

- Hướng nghiên cứu 2:

Nghiên cứu chất lượng nước và công nghệ xử lý nước thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt đáp ứng quy chuẩn và thu hồi năng lượng.

- Hướng nghiên cứu 3:

Nghiên cứu giải pháp quản lý tài nguyên, quản lý môi trường.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **12 HVCH** bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ (tính đến 30/6/2022);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 06 đề tài cấp cơ sở trở lên;

Chủ nhiệm: 02 đề tài cấp Học viện; **Thư ký:** 02 đề tài (01 đề tài cấp Bộ và 01 đề tài cấp Học viện); **Thành viên:** 02 đề tài (01 đề tài cấp Bộ trọng điểm; 01 đề tài cấp Bộ). Ngoài ra, ứng viên đang là chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ (đề tài Nafosted) đang triển khai.

- Đã công bố 40 bài báo khoa học, trong đó 12 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được công nhận 05 quy trình công nghệ cấp Bộ, được áp dụng trên toàn quốc.

- Số lượng sách đã xuất bản 05. Trong đó, có 04 sách giáo trình giảng dạy đại học (chủ biên 02 giáo trình và tham gia 02 giáo trình) và 01 chương sách tiếng Anh do nhà xuất bản có uy tín (Kyoto University Press);

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở năm học: 2020-2021; 2019-2020; 2018-2019; 2016-2017.

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Quyết định số: 4861/QĐ-BNN-TCCB, ngày 13/12/2021).

- Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2020.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong 18 năm công tác tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam, trong đó có trên 07 năm làm công tác giảng dạy, tôi nhận thấy mình có đầy đủ tiêu chuẩn của một nhà giáo: có phẩm chất đạo đức và tư tưởng tốt, vững vàng về chuyên môn và nghiệp vụ, tâm huyết với nghề, có tinh thần hợp tác trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, luôn chấp hành và hoàn thành tốt giờ giảng, giờ nghiên cứu khoa học, tích cực đề xuất các nghiên cứu, thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, xuất bản bài báo trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước, viết giáo trình giảng dạy.

Tôi luôn có tinh thần học hỏi và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn, gắn thực tiễn vào công tác giảng dạy và đào tạo, luôn có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp, sinh viên, học viên, có đủ sức khỏe để giảng dạy, nghiên cứu và có lý lịch bản thân rõ ràng.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 7 năm 1 tháng (tính đến 30/6/2022).
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017				08	590	30	620,5/ 819,2/ 270
2	2017-2018				13	759	45	804,6/ 1202,3/ 162
3	2018-2019			03	07	537	155	691,9/ 856,6/ 162
03 năm học cuối								
4	2019-2020			04	02	170	129	298,8/ 316,7/ 270
5	2020-2021			03	04	175	141	316,3/ 336,8/ 270
6	2021-2022			02	01	133	77	209,8/ 238,9/236,3

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: Nhật Bản, năm 2014.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Ngô Phương Lan		HVCH		×	2016-2018	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Cấp bằng ngày 25/09/2018
2	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt		HVCH		×	2016-2018	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Cấp bằng ngày 25/09/2018
3	Trần Thùy Linh		HVCH	×		2017-2019	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	QĐ cấp bằng 2925/QĐ-HVN ngày 09/07/2019
4	Chu Tuấn Linh		HVCH	×		2017-2019	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Cấp bằng ngày 22/08/2019
5	Nghiêm Sơn Dũng		HVCH	×		2017-2019	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Cấp bằng ngày 16/12/2019
6	Hà Thị Minh Phuong		HVCH	×		2018-2020	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Cấp bằng ngày 15/09/2020
7	Phạm Minh Trang		HVCH	×		2018-2020	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Cấp bằng ngày 15/09/2020
8	Nguyễn Quang Xứng		HVCH	×		2018-2020	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Cấp bằng ngày 25/02/2021
9	Bùi Xuân Thìn		HVCH	×		2018-2020	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Cấp bằng ngày 25/02/2021
10	Trần Việt Hùng		HVCH	×		2018-2020	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Cấp bằng ngày 25/02/2021
11	Nguyễn Xuân Nam		HVCH		×	2019-2021	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Cấp bằng ngày 01/12/2021
12	Nguyễn Tuấn Anh		HVCH	×		2019-2021	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	QĐ cấp bằng 3184/QĐ-HVN ngày 13/6/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Kỹ thuật xử lý khí thải và chất thải rắn	GT	NXB Học viện Nông nghiệp, 2022	04	Chủ biên	Chương 4-7 (từ trang 81-213)	1212/HVN-NXB, ngày 23/6/2022
2	Quản lý chất thải nguy hại	GT	NXB Học viện Nông nghiệp, 2021	03	Chủ biên	Chương 1 (từ trang 1-49) Chương 4 (từ trang 99-167)	1133/HVN-NXB, ngày 22/6/2022
3	Quản lý Tài nguyên trên cơ sở cộng đồng	GT	NXB Học viện Nông nghiệp, 2021	04	Tham gia	Chương 3 (từ trang 40-77)	1134/HVN-NXB, ngày 22/6/2022
4	Công nghệ Môi trường	GT	NXB Học viện Nông nghiệp, 2021	05	Tham gia	Chương 4 (từ trang 95-137)	1135/HVN-NXB, ngày 22/6/2022

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1					
2					

II	Sau khi được công nhận TS				
1	ĐT: Đánh giá thực trạng phát sinh và tái sử dụng phế phụ phẩm đồng ruộng tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình	CN	T2017-01-03ĐT Đề tài cấp Học viện	2017-2018	2018/ Tốt
2	ĐT: Nghiên cứu hệ thống quản lý chất thải chăn nuôi hướng tới nông nghiệp không chất thải: trường hợp nghiên cứu tại xã Minh Châu, Ba Vì, Hà Nội.	CN	T2019-04-20 Đề tài cấp Học viện	2019	2020/ Khá
3	ĐT: Nghiên cứu xác định lượng phát thải khí nhà kính từ hoạt động quản lý chất thải trong chăn nuôi lợn ở Hưng Yên	TK	T2016-04-19 Đề tài cấp Học viện	2016-2017	2019/ Khá
4	ĐT: Nghiên cứu công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường trong vùng dịch và vùng có nguy cơ bị dịch tả lợn Châu Phi.	TK	2019-BNN-04 Đề tài cấp Bộ Nông nghiệp & PTNT	2020-2021	2021/ Đạt
5	ĐT: Ứng dụng kỹ thuật kiểm toán chất thải và đề xuất giải pháp giảm thiểu chất thải trong chăn nuôi lợn.	TG	B.2018.05 Đề tài cấp Bộ Nông nghiệp & PTNT	2018-2019	2021/ Đạt
6	ĐT: Nghiên cứu sử dụng nguyên liệu hữu cơ, phân bón hữu cơ và nguồn chất thải/phụ phẩm nông nghiệp tại một số tỉnh phía Bắc	TG	B2017-11-01TĐ Đề tài trọng điểm cấp Bộ Nông nghiệp & PTNT	2018-2021	2022/ Đạt
7	ĐT: Nghiên cứu khả năng xử lý nước thải sinh hoạt thu hồi điện năng và khí sinh học bằng pin nhiên liệu vi sinh (microbial fuel cell).	CN	105.08-2018.312 Đề tài Nafosted- Bộ Khoa học và Công nghệ	2019-2022	<i>Đang triển khai</i>

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký; TG; Tham gia.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	A look at land use maps and statistics in upper Ca river basin: Using multi-year landsat data to better analyze land use	4	Đồng tác giả	The second workshop of University support to Environmental Planning and management-Asian Institute of Technology			Trang 59-70	2005
2	An investigation of agricultural land change over time in Bao Thang commune, Ky Son district, Nghe An province, Vietnam	3	Đồng tác giả	Proceeding of regional conference on environmental planning and management issues in Southeast Asian countries, Agriculture Publishing House			Trang 59-74	2007
3	Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý GIS và Viễn thám trong quy hoạch sử dụng hợp lý đất rừng vùng thượng nguồn lưu vực sông Cả	6	Đồng tác giả	Tạp chí Khoa học và Phát triển			Tập 7(6), Trang 755-763	2009
4	Chapter 16: Does composite swiddening cause deforestation? Evidence from analysis of land cover change in Tat hamlet from 1952 to 2003.	5	Đồng tác giả	Farming with Fire and Water: The human ecology of a composite swiddening community in Vietnam Northern Mountains, Eds. Vien T.D., A. Terry Rambo, and Nguyen Thanh Lam; Kyoto Press University, ISBN: 978-1-920901-29-5.			Trang 284-304	2009
5	Một số đặc điểm dinh dưỡng và sinh sản của rùa trong điều kiện nuôi nhốt tại Vườn Quốc gia Cúc Phương	4	Đồng tác giả	Hội nghị Khoa học toàn quốc lần thứ Ba, 10/2009, Hà Nội NXB Nông nghiệp			Trang 1346-1251	2009

6	Electrochemical Treatment of Trace Endocrine Disrupting Chemicals by A Novel Granular Electrode	2	Tác giả chính	Environmental Science and Technology 2012 (1), George Sorial and Jihua Hong, Eds. American Science Press, USA, ISBN 9780976885351,			Trang 367-374	2012
7	Competition between Medaka (Oryziaslatipes) and Mosquitofish (Gambusiaaffinis) under different temperatures	3	Đồng tác giả	Environmental Science and Technology 2014 (2), George Sorial and Jihua Hong, Eds. American Science Press, USA, ISBN 9780976885375,			Trang 106-109	2014
8	High efficient phosphate removal and hydroxyapatite recovery by a multi-electrode system	3	Đồng tác giả	Journal of JSCE, Environmental Research			Tập 69(7): Trang 137-143	2013
9	Electrolytic treatment of trace natural and synthetic estrogens https://doi.org/10.1515/jaots-2014-0116	2	Tác giả chính	Journal of Advanced Oxidation Technologies	SCOPUS SCI H- INDEX: 27	1	Tập 17(1), Trang 115-120	2014
10	Removal of estrogens by electrochemical oxidation process	3	Tác giả chính	Journal of Environmental Sciences	ISI/Q1 IF: 5.565	22	Tập 26(6), Trang 1355-1360	2014
II	Sau khi được công nhận TS							
11	Continuous treatments of synthetic groundwater by an in situ denitrification and oxidation process with injection of electrolytic hydrogen and oxygen	5	Đồng tác giả	Water Science & Technology: Water Supply	ISI/Q3 IF: 1.915	2	Tập 15 (4), Trang 881-888	2015
12	Continuous treatments of estrogens through polymerization and regeneration of electrolytic cells	2	Tác giả chính	Journal of Hazardous Materials	ISI/Q1 IF: 10.588	7	Tập 285, Trang 304-310	2015
13	Removal of endocrine disrupters by a carbon electrolytic reactor	3	Tác giả chính	Vietnam Journal of Agriculture Science			Tập 14, Trang 1502-1509	2016
14	Recent developments in electrochemical technology for	10	Tác giả chính	Journal of Water and Environment Technology	ISI/Q3	18	Tập 14 (2),	2016

	water and wastewater treatments https://doi.org/10.2965/jwet.15-029						Trang 25-36	
15	Identification & Application of Phyto-Fenton reactions	3	Đồng tác giả	<i>Chemosphere</i>	ISI/Q1 IF: 7.086	18	Tập 144C, Trang 1443-1450	2016
16	Acute exposure to 17 α -Ethinylestradiol alters aggressive behavior of Mosquitofish (<i>Gambusia affinis</i>) toward Japanese Medaka (<i>Oryzias latipes</i>)	6	Đồng tác giả	Bulletin of Environmental Contamination and Toxicology	ISI/Q2 IF: 2.151		Tập 98(5), Trang 643-648	2017
17	Đánh giá phát sinh phế phụ phẩm, phế thải đồng ruộng tại xã Cư Yên, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình	4	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học & Công nghệ			Tập 187(11), Trang 25-30	2018
18	Xử lý chất thải chăn nuôi lợn bằng trùn quế (<i>Perionyx excavates</i>)	2	Tác giả chính	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT			Tập 21, Trang 125-131	2018
19	Ô nhiễm môi trường chăn nuôi lợn và một số biện pháp xử lý chất thải	6	Tác giả chính	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: Chuyên đề Môi trường, Nông nghiệp và Ứng phó với Biến đổi khí hậu		5	Trang 22-31	2018
20	Hiện trạng quản lý chất thải nguy hại tại công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp 10 Hà Nội (URENCO 10)	3	Tác giả liên hệ	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: Chuyên đề Môi trường, Nông nghiệp và Ứng phó với Biến đổi khí hậu			Trang 107-112	2018
21	Desalination of brackish water for agriculture: challenges and future perspectives for seawater intrusion areas in Vietnam https://doi.org/10.2166/aqua.2018.094	1	Tác giả chính	Journal of Water Supply: Research and Technology	ISI/Q2 IF: 1.644	5	Tập 67 (3), Trang 211-217	2018
22	Tích lũy kim loại nặng và đánh giá rủi ro sức khỏe tại vùng trồng rau huyện Phú Xuyên, Hà Nội.	7	Tác giả liên hệ	TNU Journal of Science and Technology			Tập 202(09), Trang 135-141	2019
23	Bước đầu nghiên cứu tính toán lượng phát thải khí CH ₄ từ chất thải chăn nuôi lợn ở các quy mô khác nhau trên địa bàn huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.	4	Đồng tác giả	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số			Tập 14, Trang 75-84	2019

24	Kiểm toán chất thải chăn nuôi bò tại xã Minh Châu, huyện Ba Vì, Hà Nội.	2	Tác giả chính	TNU Journal of Science and Technology			Tập 207(14), Trang 129-134	2019
25	Assessment of Cau River Water Quality Assessment Using A Combination Of Water Quality And Pollution Indices	6	Tác giả liên hệ	Journal of Water Supply: Research and Technology	ISI/Q2 IF: 1.644	36	Tập 69(2), Trang 160-172	2020
26	Accelerated remediation of organochlorine pesticide-contaminated soils with phyto-Fenton approach: a field study.	10	Đồng tác giả	Environmental Geochemistry and Health	ISI/Q1 IF: 4.609	4	Tập 42, Trang 3597-3608	2020
27	Nghiên cứu một số dung môi tách tồn dư hóa chất bảo vệ thực vật từ vỏ bao bì và xử lý bằng phương pháp quang Fenton ở qui mô phòng thí nghiệm.	4	Đồng tác giả	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			Số 3+4, 2/2020	2020
28	Environmental Pressure from Pig Farming to Surface Water Quality Management in Yen Dung District Bac Giang Province.	5	Đồng tác giả	VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences		2	Tập 36(1), Trang 46-56	2020
29	Thực trạng phát sinh và công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn tại huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình.	3	Tác giả liên hệ	TNU Journal of Science and Technology			Tập 225(08), Trang 91-97	2020
30	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát sinh chất thải rắn sinh hoạt huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình.	5	Tác giả liên hệ	TNU Journal of Science and Technology			Tập 225(11), Trang 11-17	2020
31	Thực trạng chất lượng môi trường nước ven bờ Vịnh Hạ Long và một số giải pháp quản lý.	4	Tác giả chính	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,			Tập 15, Trang 87-95	2020
32	Thực trạng quản lý chất thải nguy hại y tế tuyến tỉnh tại Thái Bình.	3	Tác giả liên hệ	TNU Journal of Science and Technology			Tập 225(15), Trang 9-13	2020
33	Kinh nghiệm bản địa trong quản lý tài nguyên cây dược liệu tại vườn quốc gia Pù Mát, tỉnh Nghệ An.	4	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp			Tập 3, Trang 56-63	2020
34	Nghiên cứu loại bỏ đồng thời chất hữu cơ và nito trong nước thải sau biogas bằng công nghệ A2O	7	Tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng			Tập 19(4.2), Trang 43-45	2020

35	Removals of organic and nitrogen in biogas effluent by AAO system.	5	Tác giả liên hệ	TNU Journal of Science and Technology			Tập 226(09), Trang 73-78	2021
36	Circular economy approach in agricultural wastes management: a case study in Minh Chau commune, Ba Vi, Ha Noi.	3	Tác giả liên hệ	TNU Journal of Science and Technology			Tập 226(09), Trang 100-107	2021
37	Thực trạng môi trường bãi chôn lấp lợn dịch tả châu Phi tại tỉnh Thái Bình	10	Tác giả chính	TNU Journal of Science and Technology			Tập 226 (14), Trang 37-44	2021
38	Ecotoxicological effects of microplastics on aquatic organisms: a review	2	Tác giả chính	Environmental Science and Pollution Research	ISI/Q2 IF: 4.223	6	Tập 28 (33), Trang 44716-44725	2021
39	Agricultural residues for organic compost fertilizer catalyzed by selected microbial strains	5	Tác giả chính	ISSAAS Journal	SCOPUS		Tập 27(2), Trang 43-54	2021
40	Đánh giá phát sinh vi nhựa từ làng nghề tái chế nhựa Minh Khai, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	6	Tác giả liên hệ	VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences			Tập 38(2), Trang 94-102	2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 05 bài, các số 12, 14, 21, 38, 39.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích (Quy trình)

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1	Giải pháp hữu ích: “Quy trình xử lý lợn mắc bệnh Dịch tả lợn Châu Phi bằng phương pháp chôn lấp”.	Cục Thú Y	26/11/2021	Tác giả chính	10
2	Giải pháp hữu ích: “Quy trình xử lý lợn mắc bệnh Dịch tả lợn Châu Phi bằng phương pháp đốt”.	Cục Thú Y	26/11/2021	Đồng tác giả	10
3	Giải pháp hữu ích: “Quy trình xử lý lợn mắc bệnh Dịch tả lợn Châu Phi bằng phương pháp thủy phân”.	Cục Thú Y	26/11/2021	Đồng tác giả	10
4	Giải pháp hữu ích: “Quy trình công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi, xử lý môi trường chăn nuôi trong khu vực chăn nuôi bị bệnh Dịch tả lợn Châu Phi theo các quy mô khác nhau”.	Cục Chăn nuôi	16/12/2021	Đồng tác giả	10
5	Giải pháp hữu ích: “Quy trình công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi, xử lý môi trường chăn nuôi trong vùng có nguy cơ bị bệnh Dịch tả lợn Châu Phi”.	Cục Chăn nuôi	16/12/2021	Đồng tác giả	10

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: Số 1.

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH&CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo ngắn hạn, địa phương, thạc sĩ theo định hướng ứng dụng	Tham gia	Quyết định thành lập tổ tư vấn rà soát nội dung, cấu trúc các chương trình đào tạo (Số 2064/QĐ-HVN ngày 19/07/2018)	Học viện Nông nghiệp Việt Nam		
2	Chương trình đào tạo trình độ đại học Ngành Công nghệ môi trường	Tham gia	Quyết định Thành lập tổ soạn thảo chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các ngành/chuyên ngành của Học viện Nông nghiệp Việt Nam (số 2377/QĐ-HVN ngày 15/8/2018)	Học viện Nông nghiệp Việt Nam		Thành viên chủ chốt soạn thảo và xây dựng chương trình đào tạo
3	Chương trình đào tạo trình độ đại học Ngành Công nghệ Kỹ thuật môi trường					

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): **Không.**

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): **Không.**

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): **Không.**

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): **Không.**

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT: **Không.**

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: **Không.**

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: **Không**.

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: **Không**.

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: **Không**.

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: **Không**.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Võ Hữu Công